

# LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

## QUYỂN 48

### Chương 3: **KIẾN-ĐỘ TRÍ**

#### Phẩm 1: **TÁM ĐẠO**, Phần 3

Hỏi: Nếu thành tựu kiến, thì có thành tựu Trí phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu thành tựu Trí, thì có thành tựu kiến phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu thành tựu kiến, cũng thành tựu tuệ phải chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Nếu thành tựu tuệ, cũng thành tựu kiến phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu thành tựu Trí, cũng thành tựu tuệ phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu thành tựu tuệ, cũng thành tựu Trí phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Hỏi: Ai là người thành tựu kiến, Trí, tuệ?

Đáp: Tất cả chúng sinh. Nói chung là tất cả chúng sinh! Tuy nhiên, cũng có ít nhiều người dứt bỏ căn thiện, nghĩa là thành tựu kiến, Trí, tuệ nơi ba cõi, là chỗ dứt của kiến đạo, trí tuệ nhiệm ô của ba cõi do tu đạo dứt.

Trí tuệ vô ký không ẩn một lệ thuộc cõi Dục.

Người không dứt căn thiện: Nếu không được tâm thiện cõi Sắc thì sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ của ba cõi do kiến đạo dứt, trí tuệ nhiệm ô của ba cõi do tu đạo dứt.

Kiến, Trí, tuệ thiện lệ thuộc cõi Dục. Trí tuệ vô ký không ẩn một lệ thuộc cõi Dục.

Nếu đã được tâm thiện cõi Sắc, chưa lìa dục cõi Dục, thì thành tựu kiến, Trí, tuệ của ba cõi do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiệm ô nơi ba cõi do

tu đạo dứt. Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, trí tuệ vô ký không ẩn một, lệ thuộc cõi Dục, đã lìa dục cõi Dục, nếu không được tâm thiện cõi Vô sắc, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc. Trí tuệ vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc, nếu được tâm thiện cõi Vô sắc, chưa lìa dục cõi Sắc, thì thành tựu kiến, Trí, tuệ, cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt.

Kiến, Trí, tuệ của ba cõi, trí tuệ vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc, Nếu đã lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ cõi Vô sắc do kiến đạo dứt, trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt, thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện của ba cõi, trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc.

Phàm phu sinh cõi Sắc, không được tâm thiện cõi Vô sắc, thì sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ cõi Sắc, cõi Vô sắc, do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện thuộc cõi Sắc. Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục cõi Sắc.

Nếu được tâm thiện cõi Vô sắc, chưa lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu kiến Trí tuệ cõi Sắc, cõi Vô sắc, do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc.

Đã lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ cõi Vô sắc do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục cõi Sắc. Phàm phu sinh cõi Vô sắc, tâm báo không hiện ở trước, thành tựu kiến, Trí, tuệ thuộc cõi Vô sắc do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt.

Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Vô sắc, nếu tâm báo hiển bày ở trước, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ cõi Vô sắc do kiến đạo dứt, Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một. Đó là nói người phàm phu. Người Kiên tín, Kiên pháp, nếu pháp trí chưa sinh, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ của ba cõi do kiến đạo dứt. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục. Kiến Trí tuệ vô lậu, khổ pháp trí đã sinh, tập trí chưa sinh, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ của ba cõi, chỗ dứt của Tập, diệt, đạo. Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục. Kiến, Trí, tuệ vô lậu, cho đến diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ của ba cõi, chỗ dứt của kiến đạo, Trí tuệ nhiễm ô do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí,

tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục. Kiến, Trí, tuệ vô lậu nơi Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thành tựu Trí tuệ nhiệm ô nơi ba cõi, do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc. Kiến, Trí, tuệ vô lậu, sinh A-na-hàm cõi Dục, nếu không được tâm thiện cõi Vô sắc, sẽ thành tựu trí tuệ nhiệm ô nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Dục, cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc.

Kiến Trí tuệ vô lậu, nếu đã được tâm thiện cõi Vô sắc, nhưng chưa lìa dục cõi Sắc, thì sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô, cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo dứt. Cũng thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện của ba cõi. Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc. Kiến, Trí, tuệ vô lậu, đã lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô cõi Vô sắc, do tu đạo dứt. Cũng thành tựu Kiến, Trí, tuệ thiện của ba cõi, trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục cõi Sắc.

Kiến, Trí, tuệ vô lậu, sinh A-na-hàm cõi Sắc, nếu không được tâm thiện cõi Vô sắc, sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô cõi Sắc, cõi Vô sắc, do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc.

Kiến Trí tuệ vô lậu, nếu được tâm thiện cõi Vô sắc, chưa lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô cõi Sắc, cõi Vô sắc, do tu đạo dứt.

Kiến, Trí, tuệ thiện là cõi Sắc, cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc. Kiến Trí tuệ vô lậu đã lìa dục cõi Sắc, sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô cõi Vô sắc, do tu đạo dứt. Cũng thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc. Kiến, Trí, tuệ vô lậu, sinh A-la-hán cõi Sắc, thành tựu kiến, Trí tuệ thiện cõi Sắc, cõi Vô sắc, Trí tuệ Vô ký không ẩn một cõi Dục, cõi Sắc. Kiến, Trí, tuệ vô lậu, sinh A-na-hàm cõi Vô sắc, tâm báo không hiện ở trước, sẽ thành tựu Trí tuệ nhiệm ô cõi Vô sắc, do tu đạo dứt. kiến, Trí, tuệ thiện, kiến Trí, tuệ vô lậu, nếu tâm báo hiện ở trước, thì sẽ thành tựu Trí tuệ Vô ký không ẩn một. Ngoài ra, như trước đã nói.

A-la-hán sinh cõi Vô sắc, tâm báo không hiện ở trước, sẽ thành tựu kiến, Trí, tuệ thiện cõi Vô sắc, và kiến Trí, tuệ vô lậu.

Nếu tâm báo hiện ở trước, thì sẽ thành tựu Trí, tuệ, vô ký không ẩn một. Ngoài ra như trước đã nói.

Nếu kiến đã dứt, thì Trí kia dứt phải chăng?

Đáp: Đúng thế!

Nếu Trí đã dứt, thì kiến kia dứt phải chăng?

Đáp: Đúng thế!

Nếu kiến đã dứt, thì tuệ kia dứt phải chăng?

Đáp: Đúng thế!

Nếu tuệ đã dứt, thì kiến kia dứt phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu Trí đã dứt thì tuệ kia dứt phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu tuệ đã dứt thì Trí kia dứt phải chăng?

Đúng vậy!

Ai dứt kiến Trí, tuệ?

Đáp: Là A-la-hán. Phần dứt, khác có nhiều, có ít. A-na-hàm đã lìa dục của Vô sở hữu xứ, dứt kiến, Trí, tuệ, là chỗ dứt của tu đạo nơi tám địa, chỗ dứt của Kiến đạo nơi ba cõi, cho đến A-na-hàm chưa lìa dục của sơ Thiên, dứt kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của tu đạo nơi cõi Dục, chỗ dứt của kiến đạo nơi ba cõi. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, dứt kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của kiến đạo nơi ba cõi. Người Kiên tín, Kiên pháp, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, dứt kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của kiến khổ nơi ba cõi, cho đến diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, dứt kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của kiến khổ Tập Diệt nơi ba cõi. Người phạm phu, lìa dục của Vô sở hữu xứ, lìa kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của kiến đạo, tu đạo nơi tám địa, cho đến người phạm phu lìa dục cõi Dục, dứt kiến, Trí, tuệ, chỗ dứt của kiến đạo, của tu đạo nơi một địa.

Các chánh kiến là trạch pháp giác chi chăng?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Luận trước là căn bản để tạo ra luận này. Luận trước nói rằng: Thế nào là kiến? Sao là Trí? Thế nào là tuệ? Nhưng không nói rằng: Có phải các chánh kiến là trạch pháp giác chi không? Những gì thuyết trước đã nói là căn bản để soạn luận này. Ở đây, nay muốn nói rộng, nên soạn luận này.

Trong A-tỳ-đàm này có tướng quyết định: Nếu sau chi giác, nói chi đạo thì nên biết, chi đạo là hoàn toàn vô lậu. Nếu sau chi đạo, nói chi giác thì nên biết chi đạo là hữu lậu, vô lậu. Ở đây, sau chi đạo, nói chi giác, nên biết chi đạo là hữu lậu, vô lậu.

Hoặc có chánh kiến, chẳng phải trạch pháp giác chi, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là chánh kiến, chẳng phải trạch pháp giác chi, nghĩa là chánh kiến thế tục. Vì sao? Vì chi giác hoàn toàn là vô lậu.

2. Là trạch pháp giác chi, chẳng phải chánh kiến, đó là tận trí, trí vô sinh. Vì sao? Vì chi giác kia vô tướng của kiến.

3. Là chánh kiến, cũng là trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ tận trí, trí vô sinh, là các tuệ vô lậu khác. Các tuệ vô lậu ấy là gì? Đó là các Nhẫn trong kiến đạo, là tám trí của Hữu học và chánh kiến Vô học. Vì sao? Vì trí, kiến đó có tướng của kiến, tướng của giác chi.

4. Chẳng phải chánh kiến, chẳng phải trạch pháp giác chi, là trừ ngân ấy việc trên.

Nếu pháp đã lập, danh đã xưng nêu, thì tạo ra các trường hợp thứ nhất, thứ hai, thứ ba. Pháp chưa lập, danh chưa xưng nói, thì sẽ tạo ra trường hợp thứ tư. Trường hợp đó là gì? Là hành ấm, tạo ra bốn trường hợp này. Tuệ thiện của địa ý thức có hữu lậu, vô lậu: là tạo ra ba trường hợp trước. Ngoài ra, có hành ấm tương ứng, bất tương ứng, tạo ra trường hợp thứ tư. Ngoài ra, có bốn ấm và pháp vô vi, cũng tạo ra trường hợp thứ tư, đó gọi là trừ ngân ấy việc trên.

Các chánh trí là trạch pháp giác chi chăng?

Đáp: Có khi chánh trí, chẳng phải trạch pháp giác chi, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là chánh trí, chẳng phải trạch pháp giác chi, nghĩa là chánh trí của thế tục. Vì sao? Vì chánh trí kia vô tướng của giác chi.

2. Là trạch pháp giác chi, chẳng phải chánh trí, nghĩa là tám nhẫn trong kiến đạo. Vì sao? Vì Nhẫn kia vô tướng của trí.

3. Là chánh trí, cũng là trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ các nhẫn trong kiến đạo, còn lại là các tuệ vô lậu khác. Tuệ vô lậu khác ấy là gì? Là tám trí của Hữu học, Vô học. Vì sao? Vì tuệ vô lậu đó có tướng của Trí, tướng của giác chi.

4. Không phải chánh trí, cũng chẳng phải trạch pháp giác chi, nghĩa là trừ ngân ấy việc trên, như trước đã nói. Khác ở đây, là đều nói địa ý của tất cả tuệ thiện và hữu lậu, vô lậu của địa năm thức.

Hỏi: Vì sao không hỏi về chi giác khác?

Đáp: Cũng nên hỏi rằng: Nếu chánh phương tiện là tinh tiến giác chi? Đáp: Nếu là tinh tiến giác chi thì cũng là chánh phương tiện.

Có khi nào chánh phương tiện chẳng phải tinh tiến giác chi hay không?

Đáp: Có, là chánh phương tiện của thế tục. Giác chi, đạo chi lẽ ra cũng hỏi như thế mà không hỏi là có ý gì?

Đáp: Nên biết đó là thuyết chưa trọn vẹn.

Lại nữa, thử chung đã nói ở đây thì thử là chánh kiến, chung là

chánh trí. Như khi mới nhập, phương tiện lúc xuất, rốt ráo cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu tạo ra đầy đủ nghĩa của bốn trường hợp, thì nói. Nếu chỉ thuận với trường hợp sau, thì trong đây không nói.

Lại nữa, đây là Kiên-độ Trí. Nếu pháp là tánh của kiến, trí, tuệ thì trong đây sẽ phân biệt rộng.

Lúc niệm giác chi hiện ở trước, có bao nhiêu giác chi, đạo chi hiện ở trước?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Có thuyết cho là: Lúc pháp sinh, là theo thứ lớp sinh, chẳng phải cùng lúc. Như Tôn giả Phật-đà-đề-bà của Phái Thí dụ giả nói rằng: Khi pháp sinh là theo thứ lớp, không sinh cùng lúc. Giống như nhiều bạn cùng đi qua ngõ hẹp, một đi ra, một đi vào, không được cả hai người chen qua cùng lúc, huống chi là nhiều người!

Cũng thế, pháp hữu vi với mỗi pháp đều từ tướng sinh mà sinh. Có thể lực nào, có thể sinh cùng lúc chẳng?

Hỏi: Vì sao vị kia nói lời này?

Đáp: Vì vị kia đã dựa vào Kinh Phật. Như Kinh Phật nói: Nếu tâm yếu kém, thì tu ba giác chi, tức là chẳng phải lúc đó là giác chi khinh an, định, xả. Lúc này nên tu ba giác chi, đó là giác chi trạch pháp, tinh tiến, hỷ. Nếu người với tâm trạo cử, mà tu ba giác chi, tức là chẳng phải lúc, đó là giác chi trạch pháp, tinh tiến, hỷ. Là lúc nên tu ba giác chi, là giác chi khinh an, định, xả.

Nếu Kinh Phật nói: Ba giác chi là thời, ba giác chi là chẳng phải thời, nên biết thời gian pháp sinh là theo thứ lớp sinh, chứ chẳng phải sinh cùng lúc. Lại dẫn Kinh khác: Như Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng: Các Trưởng già nên biết! Tôi đã được bảy giác chi, tùy ý tự tại. Buổi sáng tôi muốn dừng lại giác chi như vậy, là tùy ý được dừng lại. Buổi trưa, buổi chiều tôi muốn trụ giác chi nào thì tùy ý được trụ. Do hai Kinh ấy nói: Biết khi pháp sinh là theo thứ lớp sinh, chẳng phải sinh cùng lúc!

Vì muốn ngăn ý của người nói như thế, cũng để nói sinh cùng lúc.

Hỏi: Nếu pháp sinh cùng lúc, chứ chẳng phải theo thứ lớp sinh, thì Kinh Phật nói, làm sao hiểu được? Như nói: Tu ba giác chi là lúc tu ba giác chi khác là chẳng phải lúc?

Đáp: Kinh này nói: Khi pháp sinh, là sinh cùng lúc, chẳng phải không cùng lúc! Vì sao? Vì nếu trong tâm có hai, có ba giác chi, tất

nhiên là đã thì rõ ràng pháp sinh cùng lúc, chẳng phải theo thứ lớp.

Hỏi: Pháp giúp đạo này tùy theo địa kia, người tu không có giảm ít, vì sao lại nói là tu ba chi giác là lúc tu ba giác chi khác chẳng phải lúc?

Đáp: Vì chi giác có hai phần:

1. Phần định.

2. Phần tuệ.

Nếu chi giác của phần định khi hiện ở trước, thì sẽ tu ba giác chi của phần tuệ, tức là chẳng phải lúc. Vì sao? Vì thế dụng về nghiêng nhiều phần Định, nên ngay lúc ấy phải tu ba giác chi trái với trên. Nói về phần tuệ cũng giống như thế.

Lại nữa, hoặc định hữu vi nhập đạo Thánh, hoặc tuệ hữu vi nhập đạo Thánh. Nếu là định nhập Thánh đạo, thì sẽ tu ba giác chi của phần định, là phải lúc, còn tu ba giác chi của phần tuệ là chẳng phải lúc. Nếu người vì tuệ nhập đạo Thánh thì sẽ tu ba giác chi của phần tuệ là phải lúc, còn tu ba giác chi của phần định là chẳng phải lúc.

Nếu vậy thì Kinh do Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói làm sao hiểu được?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết một cách tường tận về tướng của thân tâm mình khi xuất định, nhập định, cho nên nếu muốn dùng thời gian sáng sớm để nhập giác chi như thế, thì liền được tùy ý tự tại, nếu muốn chọn thời gian giữa trưa hoặc chiều cũng giống như thế, cho nên mới nói như vậy.

Lại nữa, Kinh này nói giác chi của ba địa: đó là địa có giác, có quán, địa không giác, có quán, địa không có giác, không có quán. Nếu muốn dùng thời gian sáng sớm trong ngày để nhập giác chi của địa có giác, có quán, hoặc dùng thời gian giữa ngày để nhập giác chi của địa không giác, có quán, hay dùng sau giờ ngọ để nhập giác chi của địa không giác, không quán, đều được tùy ý nên nói như vậy.

Lại nữa, ba căn nói trong ấy đi chung với giác chi, đó là lạc căn, hỷ căn và xả căn. Nếu muốn dùng thời gian đầu trong ngày để nhập lạc căn đi chung với giác chi, hoặc dùng buổi trưa để nhập hỷ căn đi chung giác chi, hay sử dụng phần thời gian xế chiều để nhập xả căn đi chung giác chi thì đều được tùy ý, cho nên nói như thế.

Không, vô tướng, vô nguyện đều có tận trí, trí vô sinh, chánh kiến Vô học, đều có giác chi, cũng nói giống như thế.

Phái Thí dụ giả nói rằng: Ở đây nói giác chi của bảy địa là giác chi của bốn thiên căn bản và ba định Vô sắc. Trong bảy địa này, nếu

muốn dùng phần thời gian đầu trong ngày, để nhập giác chi của địa Sơ thiên, cho đến nhập giác chi của địa vô sở hữu xứ, dùng phần thời gian trưa, hoặc xế chiều để nhập giác chi của địa Sơ thiên, cho đến nhập giác chi của địa vô sở hữu xứ đều được tùy ý, cho nên mới nói như thế.

Lại có người nói: Sở dĩ soạn luận này là vì: Có người nói: Trong các thiên bên có hỷ, không có giới. Hoặc nói ở địa trên có chánh giác, hoặc nói trong địa Vô sắc có giới.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, nên soạn luận này.

Niệm giác chi lúc hiện hiện có bao nhiêu giác chi, đạo chi ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào thiên Vị chí có giác, có quán, lúc niệm giác chi của học đã hiện tiền, thì sáu giác chi, tám đạo chi sẽ hiện ở trước, sáu giác chi Vô học, chín đạo chi sẽ hiện ở trước, dùng thuyết này để ngăn ý của những người nói trong các thiên biên có hỷ, không có giới.

Hỏi: Như định của thiên Vị chí là có giác, có quán, vì sao lại nói rằng: dựa vào thiên Vị chí có giác, có quán phải không?

Đáp: Lẽ ra nói rằng: Nếu dựa vào định của thiên Vị chí, nên nói có giác, có quán, mà nói như thế là có ý gì?

Đáp: Vì muốn cho người nghi ngờ được quyết định, như Kiền-độ Bốn Đại nói: Các biên của địa trên cũng nói là Vị chí. Hoặc có người, nghe nói thiên Vị chí, rồi nói là Vị chí của địa trên. Nếu nói có giác, có quán thì nên biết phải là Vị chí của Sơ thiên. Nếu dựa vào Sơ thiên, thì học niệm giác chi sẽ hiện ở trước, bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, bảy giác chi, chín đạo chi của Vô học hiện ở trước. Nếu dựa vào thiên trung gian, thì khi học niệm giác chi hiện ở trước, sáu giác chi, bảy đạo chi đều hiện ở trước, sáu giác chi, tám đạo chi của Vô học hiện ở trước.

Nếu nói như thế thì sẽ ngăn dứt ý cho là ở địa trên có chánh giác. Như thiên trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiên cũng giống như thế. Nếu dựa vào đệ Nhị thiên thì học niệm giác chi hiện ở trước, bảy giác chi, bảy đạo chi sẽ hiện ở trước. Bảy giác chi, tám đạo chi của Vô học hiện ở trước. Nếu dựa vào định cõi Vô sắc, lúc học niệm giác chi hiện ở trước, thì sáu giác chi, bốn đạo chi sẽ hiện ở trước, sáu giác chi, năm đạo chi của Vô học cũng hiện ở trước.

Nếu nói như thế thì sẽ ngăn ý của người cho là ở cõi Vô sắc có giới. Các giác chi, đạo chi đã được trong tất cả tâm vô lậu, tất cả địa, cũng nói như niệm giác chi. Thế là sao? Nghĩa là lúc giác chi trạch pháp, tinh tiến, ý (khinh an), định, xả, chánh kiến, chánh phương tiện,



chánh niệm, chánh định, hỷ giác chi đều hiện ở trước, thì sẽ có bao nhiêu giác chi, đạo chi hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào Sơ thiền, lúc giác chi hỷ học đã hiện ở trước thì bảy giác chi, tám đạo chi đã hiện ở trước, bảy giác chi chín đạo chi của Vô học hiện ở trước.

Nếu dựa vào đệ Nhị thiền, lúc giác chi của hỷ học đã hiện ở trước thì bảy giác chi, bảy đạo chi sẽ hiện ở trước, bảy giác chi, tám đạo chi của Vô học sẽ hiện ở trước.

Khi chánh giác chi hiện ở trước, có bao nhiêu giác chi, đạo chi hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào thiền Vị chí, khi học chánh giác hiện ở trước, thì sáu giác chi, tám đạo chi sẽ hiện ở trước, sáu giác chi, chín đạo chi của Vô học sẽ hiện ở trước. Nếu dựa vào Sơ thiền, vào lúc học chánh giác đã hiện ở trước, thì bảy giác chi, tám đạo chi sẽ hiện ở trước, bảy giác chi chín đạo chi của Vô học sẽ hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao trong các bên không có hỷ?

Đáp: Vì các biên đã lia dục, chưa lia dục đều có thể khởi hiện ở trước, nên không thể sinh hỷ. Như người khi đã bị trói buộc nhiều chỗ, có chỗ cởi trói, có chỗ không cởi trói, do đó, không thể sinh hỷ. Trong các bên kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao địa trên không có chánh giác?

Đáp: Vì địa ấy chẳng phải ruộng phước, chẳng phải đồ đựng cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì trừ chánh giác, nên mong cầu Địa trên. Nếu ở địa trên có giác thì địa dưới sẽ không tạo ra phương tiện để mong cầu địa trên! Nếu có pháp địa dưới, thì cũng có pháp địa trên, tức là không có diệt theo thứ lớp. Nếu không diệt theo thứ lớp, thì sẽ không có diệt rốt ráo. Vì sao? Vì diệt theo thứ lớp nên có thể diệt đến rốt ráo! Nếu không có diệt rốt ráo thì sẽ không có giải thoát.

Lại nữa, nếu có lĩnh vực của thân nghiệp, khẩu nghiệp thì sẽ có chánh giác, vì địa trên không có thân nghiệp, khẩu nghiệp, nên không có chánh giác.

Hỏi: Vì sao cõi Vô sắc không có giới?

Đáp: Vì không có ruộng phước, không có đồ đựng cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì loại trừ giới, nên cầu cõi Vô sắc. Nếu ở cõi Vô sắc có giới thì chúng sinh ở địa dưới sẽ không tạo ra phương tiện để cầu cõi Vô sắc!

Nếu pháp đã có ở địa dưới, thì cũng có ở địa trên, tức là không có diệt theo thứ lớp. Nếu đã không có diệt theo thứ lớp thì sẽ không có diệt rốt ráo. Vì sao? Vì diệt theo thứ lớp có thể diệt đến rốt ráo. Nếu không có diệt rốt ráo thì sẽ không có giải thoát.

Lại nữa, giới là phần ít của sắc. Trong cõi Vô sắc không có giới, sắc là do bốn đại tạo ra, ở cõi Vô sắc không có bốn đại!

Hỏi: Không có bốn đại vô lậu, làm sao có giới vô lậu?

Đáp: Vì giới vô lậu không do sức của bốn đại, nên là vô lậu. Vì sức của tâm cho nên vô lậu.

Lại nữa, giới đối trị giới ác, mà cõi Vô sắc không có giới ác, nên không có giới. Vì sao? Vì giới ác chỉ ở cõi Dục. Cõi Dục đối với cõi Vô sắc có sự xa cách do bốn việc xa:

1. Do chỗ nương dựa xa.
2. Do những việc đã làm xa.
3. Do chỗ duyên xa.
4. Do đối trị xa.

Ba mươi bảy pháp giúp đạo là: Bốn niệm xứ, bốn chánh dứt, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi. Đức Phật nói pháp giúp đạo không có ba mươi bảy giác chi là pháp giúp đạo. Làm sao biết như thế? Vì kinh nói: Có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đến nơi đầu mặt lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một phía, bạch rằng: Bạch Thế tôn! giác chi mà Phật nói, vì sao gọi là giác chi? Phật bảo Tỳ-kheo: bảy pháp trợ đạo, này gọi là giác chi, đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tiến giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi và xả giác chi.

Do việc này, nên biết giác chi là pháp giúp đạo.

Hỏi: Pháp giúp đạo có ba mươi bảy. Vì sao Đức Thế tôn nói bảy giác chi là pháp giúp đạo?

Đáp: Tùy theo câu hỏi của Tỳ-kheo kia mà Đức Phật nói bảy giác chi là pháp giúp đạo! nếu Tỳ-kheo kia hỏi về bốn niệm xứ thì Phật cũng nói bốn niệm xứ là pháp trợ đạo.

Lại nữa, kinh kia nhất mực nói pháp giúp đạo vô lậu. Pháp khác thì không nhất định! Như niệm xứ có hai thứ: hữu lậu và vô lậu, cho đến đạo chi cũng có hữu lậu và vô lậu.

Lại có người nói: Phật nói ba mươi bảy pháp giúp đạo. Vì trải qua thời gian lâu, nên quên mất. Như Đà-La-Đạt-Đa nói: Pháp giúp đạo nên nói một chi cho đến ba mươi bảy chi, như ba mươi bảy pháp giúp đạo. Trong Kinh Phủ Kha Dụ cũng nói: Ba mươi bảy pháp giúp đạo vô

lậu. Nếu nhận lấy sự tu đạo quyết định, thì có bảy giác chi. Nếu nhận lấy không quyết định, thì có chủng loại của sáu chi. Vì sao? Vì niệm xứ có hai thứ: Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, cho đến đạo chi cũng giống như thế.

Hỏi: Danh của pháp giúp đạo có ba mươi bảy, Thể có bao nhiêu thứ?

Đáp: Pháp giúp đạo, danh có ba mươi bảy, thể có mười một. hoặc mười hai. Nếu nói đều nằm trong giác chi, thì danh của giác chi có bảy, Thể cũng bảy. Bốn niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, chánh kiến đều nằm trong trạch pháp giác chi. Bốn chánh dứt, căn tinh tiến, lực tinh tiến, chánh phương tiện đều nằm trong tinh tiến giác chi. Bốn như ý túc, định căn, định lực, chánh định đều nằm trong định giác chi. Niệm căn, niệm lực, chánh niệm đều nằm trong niệm giác chi. Pháp còn lại có tám căn, trong đạo chi có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Nếu nói đều nằm trong đạo chi, nghĩa là nếu nói ngoài chánh ngữ, chánh nghiệp, không có chánh mạng. Tám đạo chi, danh có tám, thể có bảy. Nếu nói ngoài chánh ngữ, chánh nghiệp, có chánh mạng riêng, thì đạo chi, danh có tám, thể có tám. Bốn niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi đều nằm trong chánh kiến. Bốn chánh dứt, tinh tiến căn, tinh tiến lực, tinh tiến giác chi, đều nằm trong chánh phương tiện. Bốn như ý túc, định căn, định lực, định giác chi, đều nằm trong chánh định. Niệm căn, niệm lực, niệm giác chi, đều nằm trong chánh niệm. Pháp khác có tám căn, trong giác chi có hỷ, khinh an, xả.

Vì việc này nên pháp giúp đạo, danh có ba mươi bảy, thể có mười một hoặc mười hai. Như danh, thể, số danh, số thể, danh khác, thể khác, danh khác với tướng, thể khác với tướng, biết danh, biết thể v.v... cũng giống như thế. Đó là tánh của pháp, pháp thể giúp đạo, cho đến nói rộng...

Vì sao gọi là pháp giúp đạo? Trợ đạo nghĩa là gì?

Đáp: Tận trí, trí vô sinh là Bồ-đề. Các pháp này thuận theo pháp kia, giúp cho pháp kia, làm cho pháp kia có phần thể dụng vượt hơn, nên gọi là pháp giúp đạo.

Đã nói chung về pháp giúp đạo. Nay sẽ nói về lý do khác nhau của từng pháp:

Vì sao gọi là niệm xứ?

Đáp: Nghĩa phân biệt nhóm là nghĩa niệm xứ, tụ gọi là năm thủ ấn. Nếu muốn phân biệt thì nên dùng niệm xứ. Nghĩa đốt cháy là nghĩa chánh đoạn. Nghĩa chứa nhóm, nghĩa pháp là nghĩa như ý túc. Nghĩa

tăng thượng vượt hơn là nghĩa căn. Nghĩa không thể hủy hoại là nghĩa lực. Nghĩa giác biết là nghĩa giác chi. Nghĩa tìm cầu là nghĩa đạo chi.

Đã nói riêng về lý do của pháp giúp đạo. Nay sẽ nói riêng về lý do của giác chi, đạo chi. Vì sao gọi là giác chi? Vì giác nên gọi là giác chi hay vì giác chi này nên gọi là giác chi?

Nếu do giác nên gọi là giác chi, nghĩa là một thị sáu phi.

Nếu do giác chi này nên gọi là giác chi, nghĩa là sáu thị một phi.

Đáp: Nên nói rằng: Vì giác, nên gọi là giác chi.

Hỏi: Nếu vậy thì một thị, sáu phi?

Đáp: Các pháp này đều là phần của pháp kia, đều thuận theo thể dụng vượt hơn của pháp kia, nên gọi là giác chi.

Lại có người nói: Do giác chi này nên gọi là giác chi.

Hỏi: Nếu vậy thì sáu thị, một phi?

Đáp: Trạch pháp giác chi là giác, là giác chi. Các còn lại chỉ là giác chi.

Vì sao gọi là đạo chi? Vì tìm kiếm mong cầu nên gọi là đạo chi. Hay vì chi mong tìm cầu kiếm này nên gọi là đạo chi? Nếu do sự tìm kiếm, mong cầu nên gọi là đạo chi thì một thị, bảy phi. Nếu do chi tìm kiếm mong cầu này nên gọi là đạo chi thì bảy thị một phi?

Đáp: Nên nói như thế này: Vì tìm kiếm, mong cầu nên là đạo chi.

Hỏi: Nếu vậy thì một thị, bảy phi?

Đáp: Các pháp này đều là phần của pháp kia, vì thuận theo thể dụng vượt hơn của pháp kia, nên gọi là đạo chi.

Lại có người nói: Vì chi tìm kiếm, mong cầu nên gọi là đạo chi.

Hỏi: Nếu vậy thì bảy thị, một phi?

Đáp: Chính kiến là sự tìm cầu, là chi tìm cầu. Pháp còn lại là chi tìm cầu. Như trạch pháp giác chi là giác, là giác chi. Như chánh định là thiền, là thiền chi. Không ăn phi thời là trai, là trai chi. chánh kiến cũng giống như thế, là tìm cầu, là chi tìm cầu.

Đã nói riêng về lý do của pháp giúp đạo. Nay sẽ tìm kiếm thứ lớp của pháp giúp đạo kia:

Vì sao trước nói bốn niệm xứ, cho đến nói tám đạo chi?

Đáp: Vì thuận theo pháp thứ lớp của lời nói.

Lại nữa, vì Phật nói tức là thuận theo để người hỏi dễ thọ.

Lại nữa, bốn niệm xứ như mắt thấy, các pháp giúp đạo khác như kẻ mù lòa. Không để cho rơi vào chỗ không như pháp như đám người mù có mắt để dẫn đường, không lạc vào phi đạo. Bốn niệm xứ kia cũng

giống như thế.

Lại nữa, niệm xứ có thể phân biệt rõ, về pháp của tướng chung, tướng riêng, phá trừ cái ngu về vật thể, phá bỏ cái ngu trong duyên, nhận lấy thật tướng của pháp không để cho thêm bớt.

Lại nữa, niệm xứ từ địa của giác ban đầu, cho đến thế dụng của tận trí, trí vô sinh thường vượt hơn chánh dứt. Từ pháp Noãn trở lên với thế dụng thường vượt hơn như ý túc. Từ pháp Đảnh trở lên với thế dụng thường vượt hơn năm căn. Từ pháp Nhẫn trở lên, với thế dụng thường vượt hơn năm lực. Từ pháp Thế đệ nhất trở lên rế dụng thường vượt hơn. Đạo chi vượt hơn trong kiến đạo. Giác chi vượt hơn trong tu đạo.

Hỏi: Vì sao đạo chi vượt hơn trong kiến đạo, còn giác chi vượt hơn trong tu đạo?

Đáp: Nghĩa đi là nghĩa đạo. Vì trong kiến đạo đi là rất nhanh chóng. Giác là nghĩa giác chi. Có chín thứ giác trong tu đạo thường giác.

Hỏi: Nếu trong kiến đạo là đạo chi, trong tu đạo là giác chi, thì vì sao Đức Thế tôn trước nói giác chi sau nói đạo chi?

Đáp: Vì Phật thuận theo vào pháp thứ lớp của lời nói.

Lại nữa, Phật nói tức thuận theo để người hỏi dễ lãnh thọ.

Lại nữa, vì muốn xoay vẫn thêm một chi, nên trước nói bốn pháp, kế nói năm, bảy, tám pháp.

Lại nữa, vì muốn pháp xuất ly dần dần hiện bày, xoay vẫn tăng thêm lợi ích.

Đã nói chung thứ lớp của pháp giúp đạo. Nay sẽ nói riêng thứ lớp của mỗi giác chi, đạo chi.

Vì sao trước nói niệm giác chi, sau mới đến xả giác chi?

Đáp: Vì thuận theo pháp thứ lớp của lời nói.

Lại nữa, Phật nói thì thuận theo để người hỏi dễ thọ.

Tôn giả Cù-sa nói: Người đã kiến đế, nghĩ nhớ đến năng lực của pháp sở đắc trước kia, có thể tu đầy đủ giác chi, nên Đức Phật trước nói niệm giác chi. Như Kinh nói: Người tu hành chánh quán pháp này, nhớ lại hiện ở trước, không sinh ngu si, mê lầm, có thể tu đầy đủ niệm giác chi, vì sức nhớ lại nên đối với pháp có thể phân biệt, chọn lựa, tính, lường, có thể tu đầy đủ trạch pháp giác chi. Do đối với pháp có thể lựa chọn, phân biệt, trừ lường, tức hành tinh tiến nên có thể tu đầy đủ tinh tiến giác chi.

Vì đã thực hành tinh tiến, nên có thể sinh vui mừng của vị không xen lẫn, có thể tu đầy đủ hỷ giác chi. Do hỷ, nên thân tâm vui khinh an

(ỷ), có thể tu đầy đủ khinh an giác chi. Vì có niềm vui của định khinh an, nên tâm định, có thể tu đầy đủ định giác chi. Vì tâm định nên lìa tham, lo, trụ ở xả, nên có thể tu đầy đủ xả giác chi.

Hỏi: Vì sao trong đạo chi, Đức Thế tôn nói chánh kiến trước, sau nói chánh định?

Đáp: Vì thuận theo vào pháp thứ lớp của lời nói.

Lại nữa, Phật nói thuận theo để người nghe dễ thọ.

Tôn giả Cù-sa nói: Người đã kiến Đế, do chánh kiến nên có thể tu đạo chi. Như nói: Do chánh kiến, nên có thể tu Đạo Chi. Như nói: Do chánh kiến nên có thể sinh chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Đã nói thứ lớp của giác chi, đạo chi. Nay sẽ nói về Địa, là những Địa nào? Và có bao nhiêu pháp giúp đạo?

Đáp: Thiên Vị chí có ba mươi sáu, trừ hỷ. Sơ thiên có ba mươi bảy. Trung gian thiên có ba mươi lăm, trừ hỷ, chánh giác. Đệ Nhị thiên có ba mươi sáu, trừ chánh giác. Đệ tam, đệ Tứ thiên có ba mươi lăm, trừ hỷ, chánh giác. Trong Vô sắc có ba mươi hai, trừ hỷ, chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Đã nói về Địa. Nay sẽ nói, lúc hiện ở trước, Địa nào có bao nhiêu pháp giúp đạo cùng lúc hiện ở trước?

Đáp: Dựa vào Thiên Vị chí có ba mươi sáu, cùng lúc hiện ở trước, có ba mươi ba, trừ ba niệm xứ. Vì sao? Vì mỗi sở duyên đều có khác, còn không thể khởi hai, huống chi là nhiều. Sơ thiên có ba mươi bảy, đã có ba mươi bốn pháp cùng lúc hiện ở trước, cũng trừ ba niệm xứ. Trung gian thiên có ba mươi lăm, đã có ba mươi hai pháp, cùng lúc hiện ở trước, cũng trừ ba niệm xứ. Như Trung gian thiên, đệ tam, đệ Tứ thiên cũng giống như thế. Đệ Nhị thiên có ba mươi sáu, có ba mươi ba pháp, cùng lúc hiện ở trước, cũng trừ ba niệm xứ. Trong Vô sắc có ba mươi hai, đã có hai mươi chín pháp hiện ở trước, cũng trừ ba niệm xứ.

Đã nói pháp giúp đạo hiện ở trước, nay sẽ nói về tướng giống nhau và khác nhau.

Nếu là giác chi thì cũng là đạo chi chăng?

Đáp: Hoặc là giác chi chẳng phải đạo chi, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là giác chi, chẳng phải đạo chi, nghĩa là giác chi hỷ, khinh an, xả.
2. Là đạo chi, chẳng phải giác chi, nghĩa là chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

3. Là giác chi, cũng là đạo chi, nghĩa là các pháp giúp đạo khác, trừ tín.

4. Không phải là giác chi, cũng chẳng phải đạo chi, đó là tín.

Hỏi: Vì sao hỷ lập giác chi?

Đáp: Vì nghĩa của giác là nghĩa giác chi. Hỷ thì thuận theo giác chi.

Hỏi: Vì sao hỷ thuận theo giác chi?

Đáp: Nếu như thật giác về cảnh giới tức thì sinh hỷ. Nếu thường sinh hỷ, thì như thật giác về cảnh giới. Như người đào đất gặp được của báu. Vì được của báu nên lại đào nữa. Vì đào nữa, nên lại được của báu giác cảnh giới kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao hỷ không lập đạo chi?

Đáp: Vì nghĩa đi là nghĩa đạo chi, hỷ không thuận theo đi.

Hỏi: Vì sao hỷ không thuận theo với đi?

Đáp: Nếu thường hỷ thì trụ, chứ không đi. Như người đi trên đường, nếu thường dừng nghỉ thì muốn dừng lại, không đi. Hỷ kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao khinh an, xả lập giác chi?

Đáp: Nghĩa giác là nghĩa giác chi. Khinh an, xả thuận theo với giác chi!

Hỏi: Khinh an, xả thuận theo giác chi là sao?

Đáp: Nếu đối với tất cả việc đều được khinh an, xả thì sẽ có thể giác như thật về cảnh giới.

Hỏi: Vì sao khinh an, xả không lập đạo chi?

Đáp: Nghĩa đi là nghĩa đạo chi. Khinh an, xả không thuận theo đi!

Hỏi: Vì sao khinh an, xả, trái với tướng đi?

Đáp: Khinh an, xả, trái với tướng đi, như đi, đứng, ngủ, thức, hoàn toàn trái nhau. Khinh an, xả kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao chánh giác (chánh tư duy) lập đạo chi?

Đáp: Nghĩa đi là nghĩa đạo chi. Chánh giác có thể phát động chánh kiến, ra khỏi sinh tử, như người dùng gậy lừa bò, có chỗ đến. Chánh giác kia cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao chánh giác không lập giác chi?

Đáp: Vì tánh của chánh giác là phát động, tánh của giác chi thì vắng lặng.

Hỏi: Vì sao chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng được lập đạo chi?

Đáp: Nghĩa đi là nghĩa đạo chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là cái bầu giữa bánh xe đối với đạo.

Hỏi: vì sao chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng không lập giác chi?

Đáp: Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là đạo chi, chứ chẳng phải đạo!

Lại nữa, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là không tương ứng, là không có dựa, không có hành, không có duyên. Giác chi thì trái với không tương ứng này.

Hỏi: Vì sao tín chẳng phải giác chi, đạo chi?

Đáp: Vì lúc mới nhập pháp, thế dụng của tín vượt hơn. Đã nhập pháp rồi thì tu giác chi, đạo chi.

Lại nữa, pháp xuất ly có đầy đủ, không đầy đủ. Pháp xuất ly đầy đủ nghĩa là có tướng của căn lực, giác, đạo. Trái với pháp này gọi là không đầy đủ. Nếu pháp xuất ly không đầy đủ, thì chỉ có tướng giác chi, vô tướng đạo chi, nghĩa là lập giác chi. Như hỷ, khinh an, xả. Nếu vô tướng giác chi, chỉ có tướng đạo chi thì lập đạo chi. Như chánh giác, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Nếu đầy đủ pháp xuất ly thì sẽ có tướng của giác chi, đạo chi, nghĩa là lập ra giác chi, đạo chi, như các giác chi, đạo chi khác. Nếu không đầy đủ pháp xuất ly thì sẽ vô tướng của giác chi, đạo chi. Nghĩa là không lập ra giác chi, đạo chi, như tín chẳng hạn!

Hỏi: Vì sao không lập tâm làm pháp giúp đạo?

Đáp: Vì không có phần giúp đạo.

Lại nữa, tâm ở trong pháp xuất ly phiền não, đều có tác dụng của thế lực. Pháp giúp đạo ở trong pháp xuất ly, nghiêng về có thế dụng.

Lại nữa, tâm duyên với tướng chung, tướng riêng, còn pháp giúp đạo chỉ duyên với tướng chung!

Lại nữa, như phiền não, pháp số này chẳng phải tâm, pháp đối trị kia cũng vậy! Là pháp số chẳng phải tâm! Nếu nói như thế thì tâm định, gọi là định, tức là định trong pháp giúp đạo. Hỏi: Vì sao trong ba căn, hỷ căn lập pháp giúp đạo, còn lạc căn xả căn không lập pháp giúp đạo?

Đáp: Vì vô tướng giúp đạo nên không lập phần giúp đạo!

Lại nữa, việc làm của pháp giúp đạo rất mạnh mẽ, trong khi hai căn kia lại chậm lụt, việc làm không.

Lại nữa, lạc căn bị niềm vui khinh an che lấp. Xả căn bị hành xả che lấp, cho nên không lập pháp giúp đạo.

Hỏi: Vì sao Thánh chủng không lập pháp giúp đạo?



Đáp: Cũng có lập, như pháp Tỳ-bà Xà-bà-đề nói: Có ba mươi một pháp giúp đạo.

Hỏi: Tôi không hỏi người nói như thế?

Đáp: Pháp giúp đạo ở trong người tại gia, xuất gia có hai việc vượt hơn:

1. Tâm trông mong vượt hơn.

2. Thọ nhận Hành vượt hơn.

Thánh Chủng ở trong người xuất gia có hai việc vượt hơn: Một là tâm trông mong vượt hơn, hai là sự thọ hành vượt hơn.

Trong người tại gia có một việc vượt hơn, đó là tâm trông mong vượt hơn, chẳng phải thọ hành vượt hơn! Như Đế-thích ngồi trên các tòa hoa, có mười hai Na-do-tha thể nữ tự vây quanh, với sáu vạn thứ âm nhạc. Nếu trụ nơi Thánh chủng, chỉ có tâm trông mong mà không thọ hành như vua Tần Bà-la-la v.v... Trưởng giả Tu Đạt... cũng giống như thế.

Nếu nói rằng: Niềm vui dứt trừ là tinh tiến, tức là tinh tiến giác chi. Kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là niệm giác chi? Đáp: Đệ tử của Thánh, quán khổ là khổ, cho đến quán đạo là đạo, tương ứng với trí bất hoại. Vì sự nhớ lại Bồ-đề, thường nhớ lại, nhớ lại theo thứ lớp, thường không quên, không mất, gọi là vị tri dục tri căn.

Lại nữa, nếu đệ tử Thánh, thấy sự sanh tử tử là lỗi lầm, thấy Niết-bàn là tươi đẹp vượt hơn. Vì sự nhớ lại Bồ-đề, cho đến nói rộng là nói tri căn. A-la-hán quán tâm niệm giải thoát, là nói tri dĩ căn, cho đến xả giác chi cũng nói như thế.

Thế nào là chánh kiến?

Đáp: Nếu đệ tử bậc Thánh quán khổ là khổ, cho đến quán đạo là đạo thì đấy là quán sát, phân biệt có thể nhận lấy tướng khổ, tướng đạo đó. Giác minh kiến tuệ là nói vị tri dục tri căn. Nếu đệ tử bậc Thánh thấy sinh tử là lỗi lầm, thấy Niết-bàn là tốt đẹp thì đó là quán sát phân biệt, cho đến nói rộng, là nói tri căn. A-la-hán quán giải thoát tự tâm, là quán sát, phân biệt, cho đến nói rộng. Đó là nói tri dĩ căn, cho đến chánh định cũng nói như thế.

Hỏi: Vì sao trong giác chi nói là sự nhớ lại Bồ-đề, trong đạo chi lại không nói?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói nên biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, vì muốn hiển bày văn khác, thuyết khác. Nếu dùng các thứ thuyết để trang nghiêm đối với nghĩa văn thì dễ hiểu hơn.

Lại nữa, vì muốn hiển bày hai môn, hai tóm lược, hai pháp nhập

ban đầu, hai ảnh, hai thông đều có. Như trong giác chi, nói là nhớ lại Bồ-đề, trong đạo chi nói là chánh kiến Bồ-đề thì cũng vậy! Như trong đạo chi không nói là chánh kiến Bồ-đề, thì trong giác chi cũng vậy!

Lại nữa, trước nói rằng: Tận trí, trí vô sinh là Bồ-đề. Trong tu đạo, công dụng thế lực của giác chi vượt hơn. Tận trí, trí vô sinh gần với tu đạo, cho nên trong giác chi nói là Bồ-đề, chứ chẳng phải đạo chi. Kinh nói: Vì vắng lặng, vì lìa dục, vì Niết-bàn, nên tu quán bất tịnh, đều có niệm giác chi, cho đến xả giác chi.

Hỏi: Quán bất tịnh là hữu lậu, còn giác chi là vô lậu, vì sao hữu lậu, vô lậu đi chung?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Trước là, dùng quán bất tịnh để cho tâm tùy theo sự điều hòa, chất trực, chịu đựng, tự tại. Kế là khởi giác chi hiện ở trước. Sau giác chi, kế đến lại khởi quán bất tịnh. Vì giác chi huân tập quán bất tịnh nên mới nói như thế, chớ chẳng phải hữu lậu, vô lậu đi chung!

Kinh Phật nói: Đệ tử bậc Thánh nhất tâm lắng nghe pháp, có thể dứt năm cái, tu đầy đủ bảy giác chi.

Hỏi: Như tâm định có thể dứt trừ kiết, chẳng phải tâm bất định, là ý địa, chẳng phải năm thức thân.

Vì sao nói rằng: Nhất tâm lắng nghe pháp... cho đến nói rộng?

Đáp: Đó là nói pháp xoay vần cùng sinh. Nhĩ thức kế là sinh khởi ý thức thiện. Ý thức thiện kế là sinh từ nghe sinh ý. Từ nghe sinh ý kế là sinh từ tư sinh ý. Từ tư sinh ý kế là sinh là từ sinh ý, do từ tu sinh ý mà dứt trừ phiền não.

Lại nữa, ở đây nói pháp nối tiếp nhau, thì ý thức thiện nối tiếp với nhĩ thức thiện, có công năng tu dứt trừ phiền não, nên nói như thế.

Hỏi: Nếu đạo vô ngại có thể dứt trừ phiền não, nhưng không thể tu đầy đủ giác chi. Còn đạo giải thoát có thể tu đầy đủ giác chi, nhưng không thể dứt trừ phiền não chẳng?

Đáp: Phật đã nói pháp tương cận, nên nói như thế.

Các pháp tương ứng với niệm giác chi, cũng tương ứng với trạch pháp giác chi chẳng?

Đáp: Hoặc tương ứng với niệm giác chi, không tương ứng với trạch pháp giác chi, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Tương ứng với niệm giác chi, không tương ứng với trạch pháp giác chi. Đó là trạch pháp giác chi. Vì sao? Vì ba việc nên tự thể không tương ứng với tự thể.

Do hai tuệ không được cùng sinh.

---

Do thời gian trước, sau, không đi chung.

Do tất cả các pháp, trừ tự thể của chúng, làm duyên cho pháp khác.

2. Tương ứng với trạch pháp giác chi, chẳng phải niệm giác chi. Đó là niệm giác chi. Vì sao? Vì tìm cầu nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

3. Tương ứng với niệm giác chi và trạch pháp giác chi: là các pháp đều tương ứng với niệm giác chi, và trạch pháp giác chi. Thế là thế nào?

Đáp: Trạch pháp giác chi và niệm giác chi đi chung trong nhóm, đều trừ tự thể. Các pháp tương ứng khác của trạch pháp giác chi và niệm giác chi. Thế là thế nào? Đó là tám đại địa, mười đại địa thiện. Nếu ở địa có giác, có quán thì sẽ có giác, có quán và tâm chẳng phải tương ứng với trạch pháp giác chi và niệm giác chi. Nghĩa là các pháp tâm, tâm sở khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Trong đây thường nói tâm vô lậu. Lại, không có pháp khác là: Có pháp tâm, tâm sở hữu lậu khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, tạo ra trường hợp thứ tư.

Như niệm giác chi và trạch pháp giác chi, niệm giác chi và giác chi tinh tiến, khinh an, định, xả. Chánh phương tiện, chánh định, cũng nói giống như thế.

Các pháp tương ứng với niệm giác chi thì cũng tương ứng với hỷ giác chi chẳng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp. Niệm giác chi trong tất cả địa, trong tất cả tâm vô lậu. Hỷ giác chi trong tất cả tâm vô lậu chứ chẳng phải tất cả địa! Cho nên tạo ra được một trong bốn trường hợp. Tương ứng với niệm giác chi chứ chẳng phải hỷ giác chi. Nghĩa là hỷ giác chi ở trong nhóm, tương ứng với niệm giác chi. Thế của hỷ giác chi tương ứng với niệm giác chi, không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Do ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể như trước đã nói: Pháp khác không tương ứng với hỷ giác chi, tương ứng với niệm giác chi. Điều đó là thế nào?

Đáp: Thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc. Pháp tương ứng với niệm giác chi, pháp đó không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì trong các địa kia, không có hỷ, tương ứng với hỷ giác chi, chẳng phải tương ứng với niệm giác chi.

\* \* \* \* \*